

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN KHÓA 5 CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ ĐIỀU HÀNH CAO CẤP
 NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KỶ TUYỂN SINH THÁNG 04 NĂM 2026

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Bằng ĐH	Đạt trình độ ngoại ngữ (VSTEP; CEFR; Bằng ĐHNH; CC NNQT)	Điểm đánh giá			Điểm UT	Tổng điểm XT	Kết quả XT	Mã số, ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
							Hồ sơ	Năng lực	Tổng điểm						
1	E101	Nguyễn Phương Anh	Nữ	08/09/1999	Trường Đại học Middlesex, Vương Quốc Anh	Bằng đại học nước ngoài dạy bằng tiếng Anh	24,00	56,00	80,00	0,0	80,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
2	E102	Vương Thị Nguyệt Anh	Nữ	26/06/2004	Trường Đại học Thương mại	HSK 6	28,00	52,00	80,00	0,0	80,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
3	E103	Trần Văn Bằng	Nam	15/12/1985	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Đạt CEFR	34,00	56,00	90,00	0,0	90,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
4	E104	Cao Thị Duyên	Nữ	08/04/1991	Học viện kỹ thuật quân sự	Đạt CEFR	28,00	54,00	82,00	0,0	82,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
5	E105	Lã Mạnh Hoàng	Nam	07/05/1986	Trường Đại học Thương mại	Đạt CEFR	32,00	55,00	87,00	0,0	87,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
6	E106	Lê Mai Khanh	Nữ	07/08/1999	Đại học Quốc Gia Hà Nội	Bằng đại học dạy bằng tiếng Anh	26,00	55,00	81,00	0,0	81,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
7	E107	Hoàng Diệu Linh	Nữ	16/08/1993	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung	Đạt CEFR	31,00	53,00	84,00	0,0	84,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
8	E108	Nguyễn Hải Long	Nam	28/05/1991	Trường Đại học Luật Hà Nội	Đạt CEFR	30,00	54,00	84,00	0,0	84,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
9	E109	Trần Đức Lượng	Nam	11/09/1992	Học viện ngân hàng	VSTEP Bậc 3/6	27,00	54,00	81,00	0,0	81,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Bằng ĐH	Đạt trình độ ngoại ngữ (VSTEP; CEFR; Bằng DHNN; CC NNQT)	Điểm đánh giá			Điểm UT	Tổng điểm XT	Kết quả XT	Mã số, ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
							Hồ sơ	Năng lực	Tổng điểm						
10	E110	Nguyễn Thị Minh Lý	Nữ	02/09/1997	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Đạt CEFR	26,00	54,00	80,00	0,0	80,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
11	E111	Bùi Quang Minh	Nam	06/08/2000	Trường Đại học La Trobe, Australia	Bằng Đại học nước ngoài dạy bằng tiếng Anh	26,00	56,00	82,00	0,0	82,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
12	E112	Trần Tuấn Nam	Nam	12/01/1986	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Đạt CEFR	31,00	56,00	87,00	0,0	87,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
13	E113	Phạm Quang Phong	Nam	03/02/1988	Trường Đại học Hải phòng	Đạt CEFR	0,00	0,00	0,00	0,0	0,00	Không đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
14	E114	Bùi Văn Quỳnh	Nam	04/08/1988	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	Đạt CEFR	24,00	54,00	78,00	0,0	78,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
15	E115	Nguyễn Văn Sơn	Nam	25/04/1981	Trường Đại học Điện Lực	Japanese Language Proficiency Test (JLPT) N2	31,00	55,00	86,00	0,0	86,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
16	E116	Vũ Văn Sỹ	Nam	29/07/1986	Học viện kỹ thuật quân sự	Đạt CEFR	27,00	54,00	81,00	0,0	81,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
17	E117	Đậu Thị Thảo	Nữ	12/09/1984	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	Đạt CEFR	31,00	53,00	84,00	0,0	84,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Bằng ĐH	Đạt trình độ ngoại ngữ (VSTEP; CEFR; Bằng ĐHNN; CC NNQT)	Điểm đánh giá			Điểm UT	Tổng điểm XT	Kết quả XT	Mã số, ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
							Hồ sơ	Năng lực	Tổng điểm						
18	E118	Nguyễn Công Thắng	Nam	18/12/1982	Trường Đại học Nguyễn Trãi	Đạt CEFR	28,00	54,00	82,00	0,0	82,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
19	E119	Quất Đức Thiện	Nam	27/01/1982	Trường Đại học Thương mại	Đạt CEFR	35,00	53,00	88,00	0,0	88,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
20	E120	Sái Thị Minh Thúy	Nữ	18/09/1996	Trường Đại học Thương mại	Đạt CEFR	26,00	53,00	79,00	0,0	79,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
21	E121	Vũ Văn Thương	Nam	23/05/1991	Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên	Đạt CEFR	31,00	54,00	85,00	0,0	85,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
22	E122	Trần Thị Thu Trang	Nữ	28/06/1985	Học viện tài chính	Đạt CEFR	28,00	54,00	82,00	0,0	82,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
23	E123	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	04/12/1998	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Bằng Thạc sĩ dạy bằng tiếng Anh	31,00	55,00	86,00	0,0	86,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
24	E124	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	05/05/1985	Trường Đại học Giao Thông Vận Tải	Đạt CEFR	31,00	58,00	89,00	0,0	89,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
25	E125	Đình Anh Tuấn	Nam	26/11/2002	Đại học Manchester	Bằng đại học nước ngoài dạy bằng tiếng Anh	24,00	53,00	77,00	0,0	77,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	
26	E126	Đỗ Văn Tú	Nam	02/01/1997	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Bằng đại học ngành Ngôn ngữ Anh	29,00	53,00	82,00	0,0	82,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Bằng ĐH	Đạt trình độ ngoại ngữ (VSTEP; CEFR; Bằng ĐHNH; CC NNQT)	Điểm đánh giá			Điểm UT	Tổng điểm XT	Kết quả XT	Mã số, ngành đào tạo	Chương trình đào tạo	Ghi chú
							Hồ sơ	Năng lực	Tổng điểm						
27	E127	Nghiêm Thị Xuân	Nữ	01/10/1992	Trường Đại học Thương mại	VSTEP Bậc 3/6	31,00	54,00	85,00	0,0	85,00	Đạt	8340101, Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	

(Danh sách gồm 27 học viên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQTS

(Ký tên, đóng dấu)



PGS, TS. Nguyễn Hoàng